

LECTURE 06

DEPTH FIRST SEARCH ALGORITHM



Phạm Nguyễn Sơn Tùng

Email: sontungtn@gmail.com

Thuật toán DFS là gì?

Thuật toán **Depth First Search** (DFS) tìm kiếm theo chiều sâu là thuật toán tìm kiếm trong đồ thị **vô hướng** hoặc **có hướng**, không trọng số.

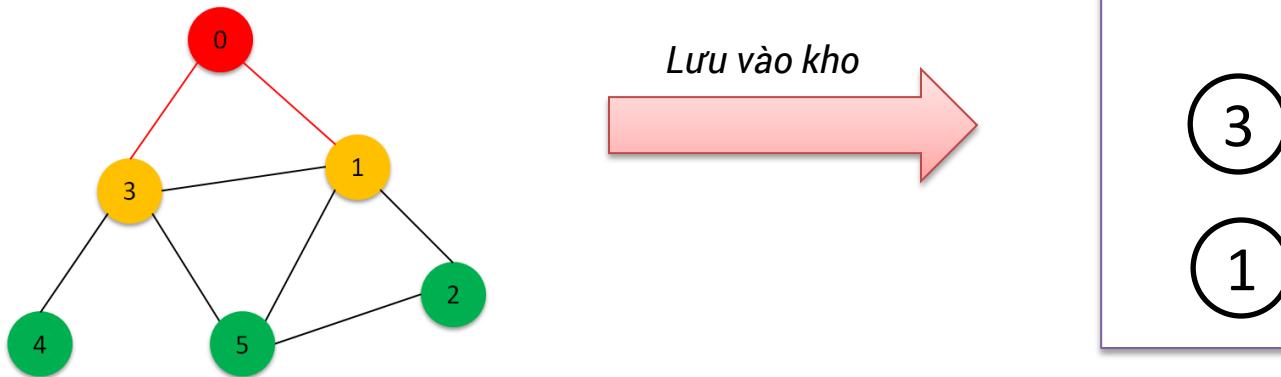
Thuật toán DFS luôn tìm kiếm được đường đi từ một đỉnh bất kỳ cho trước tới một đỉnh đích (nếu 2 đỉnh thuộc cùng thành phần liên thông với nhau). Nhưng **không chắc chắn** đường đi sẽ là đường đi ngắn nhất.

Độ phức tạp: $O(V + E)$

- Tập hợp V (Vertices) những phần tử gọi là đỉnh của đồ thị.
- Tập hợp E (Edges) những phần tử gọi là cạnh của đồ thị.

Ý tưởng thuật toán

Xuất phát từ 1 đỉnh bất kỳ, đi tới tất
các đỉnh kề của đỉnh này và lưu đỉnh
kề này lại.



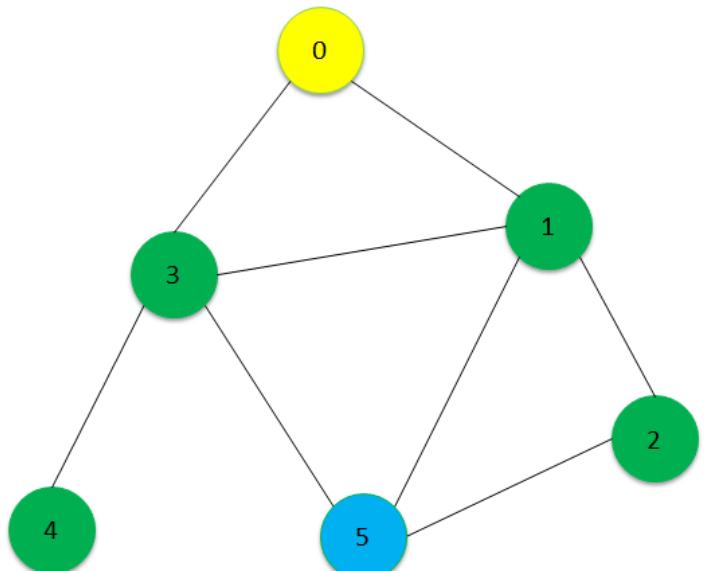
Lưu vết đường đi lại

Đỉnh	0	1	2	3
Lưu vết	-1	0	-1	0

Dùng khi kho rỗng và in kết quả bài toán.

Bài toán minh họa

Cho đồ thị vô hướng như hình vẽ. Tìm **đường đi** từ đỉnh 0 đến đỉnh 5.



Adjacency Matrix

6
0 1 0 1 0 0
1 0 1 1 0 1
0 1 0 0 0 1
1 1 0 0 1 1
0 0 0 1 0 0
0 1 1 1 0 0

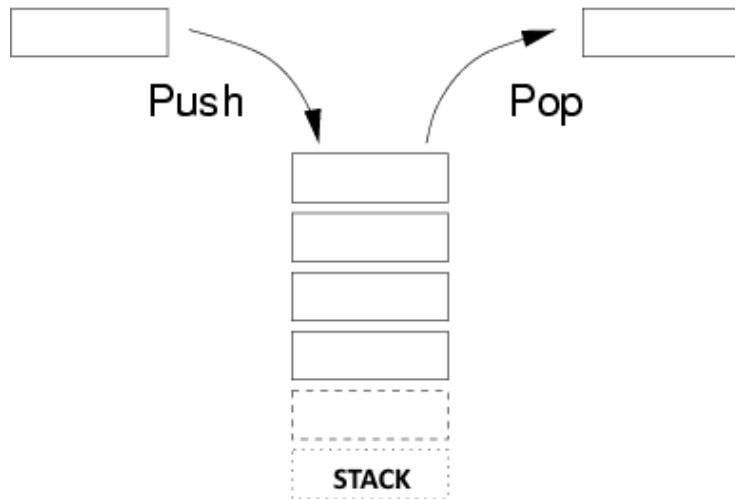
Edge List

6 8
0 1
0 3
1 2
1 3
1 5
2 5
3 4
3 5

Hướng cài đặt

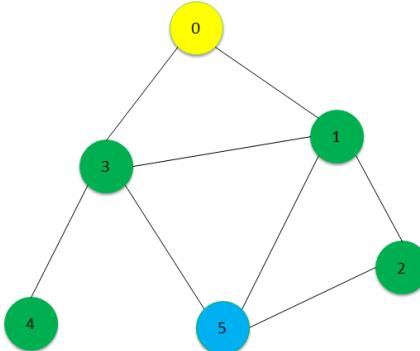
DFS Có 2 cách để chạy bài toán này có thể dùng **đệ quy** hoặc **không đệ quy**.

Nếu chạy không đệ quy thì cần sử dụng cấu trúc dữ liệu ngăn xếp (**stack**) để lưu các đỉnh đang xét. Phương pháp trình bày dưới đây sẽ sử dụng phương pháp khử đệ quy dùng ngăn xếp.



CÀI ĐẶT THUẬT TOÁN DFS DÙNG STACK (KHÔNG ĐỆ QUY)

Bước 0: Chuẩn bị dữ liệu



Chuyển danh sách cạnh kề vào CTDL **graph**.

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3

Mảng đánh dấu các đỉnh đã xét **visited**.

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	false	false	false	false	false	false

Mảng lưu vết đường đi **path**.

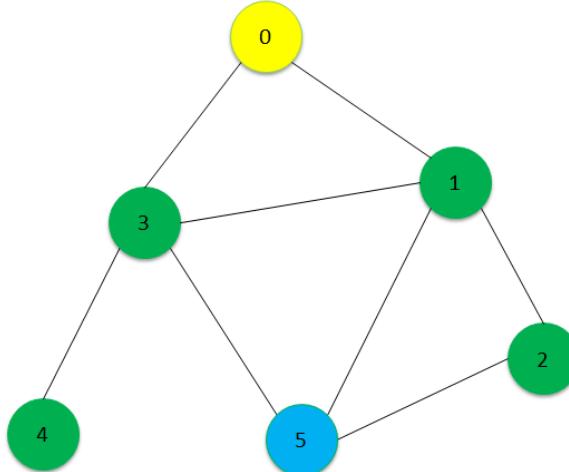
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	-1	-1	-1	-1	-1

Tạo ngăn xếp lưu các đỉnh đang xét **stack**.

...

Bước 0: chuẩn bị dữ liệu (tiếp theo)

Đỉnh 0 là đỉnh bắt đầu đi. Bỏ đỉnh 0 vào ngăn xếp và đánh dấu đã xét đỉnh 0.



Mảng đánh dấu các đỉnh đã xét **visited**.

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	false	false	false	false	false

Ngăn xếp lưu các đỉnh đang xét **stack**.

0

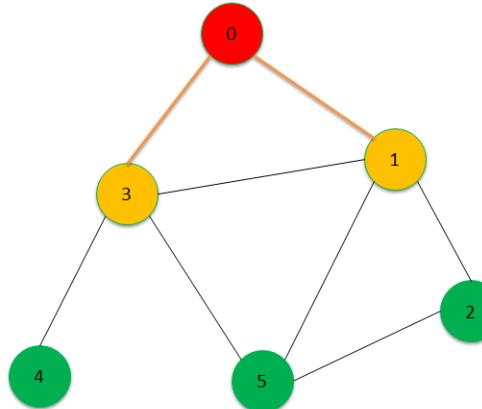
0

Bước 1: Chạy thuật toán lần 1

stack

0
0

Lấy **đỉnh 0** ra xét và tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 0 (những đỉnh chưa xét) bỏ vào stack.



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	false	true	false	false

stack

0	1
1	3

path

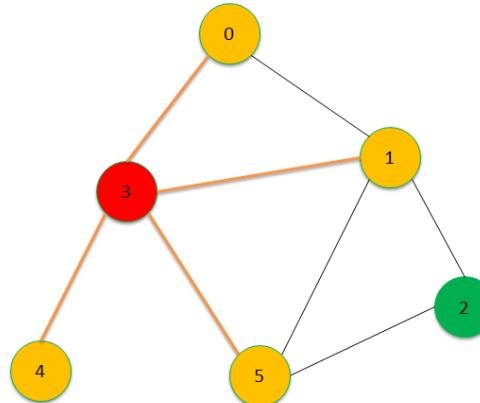
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	-1	0	-1	-1

Bước 2: Chạy thuật toán lần 2

stack

0	1
1	3

Lấy **đỉnh 3** ra xét và tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 3 (những đỉnh chưa xét) bỏ vào stack.



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	false	true	true	true

stack

0	1	2
1	4	5

path

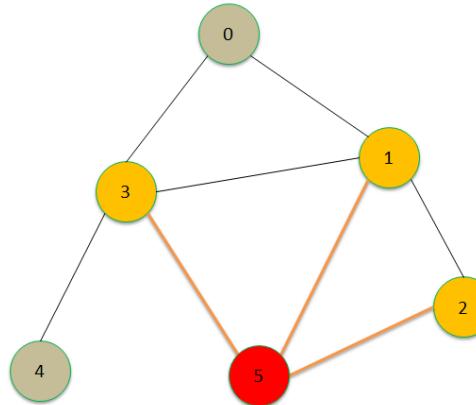
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	-1	0	3	3

Bước 3: Chạy thuật toán lần 3

stack

0	1	2
1	4	5

Lấy **đỉnh 5** ra xét và tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 5 (những đỉnh chưa xét) bỏ vào stack.



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	true	true	true	true

stack

0	1	2
1	4	2

path

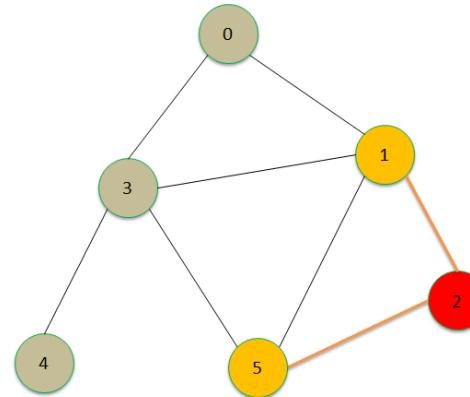
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	5	0	3	3

Bước 4: Chạy thuật toán lần 4

stack

0	1	2
1	4	2

Lấy **đỉnh 2** ra xét và tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 2 (những đỉnh chưa xét) bỏ vào stack.



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	true	true	true	true

stack

0	1
1	4

path

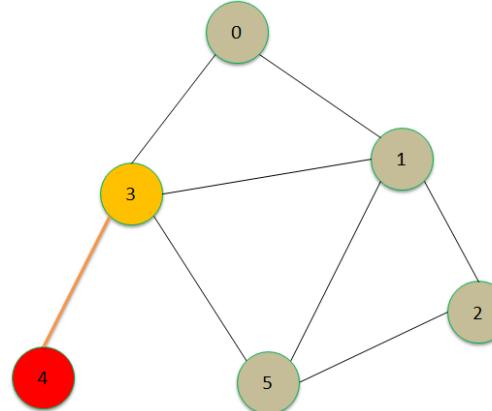
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	5	0	3	3

Bước 5: Chạy thuật toán lần 5

stack

0	1
1	4

Lấy **đỉnh 4** ra xét và tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 4 (những đỉnh chưa xét) bỏ vào stack.



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	true	true	true	true

stack

0
1

path

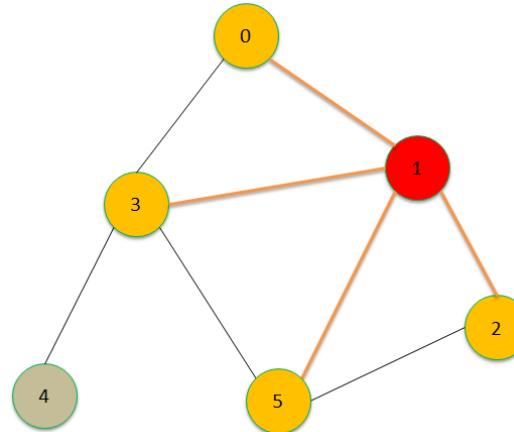
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	5	0	3	3

Bước 6: Chạy thuật toán lần 6

stack

0
1

Lấy **đỉnh 1** ra xét và tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 1 (những đỉnh chưa xét) bỏ vào stack.



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
T. Thái	true	true	true	true	true	true

stack

...
...

path

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	5	0	3	3

Dùng thuật toán

Ngăn xếp rỗng, tất cả các đỉnh đều được xét → dừng thuật toán.

path

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	5	0	3	3



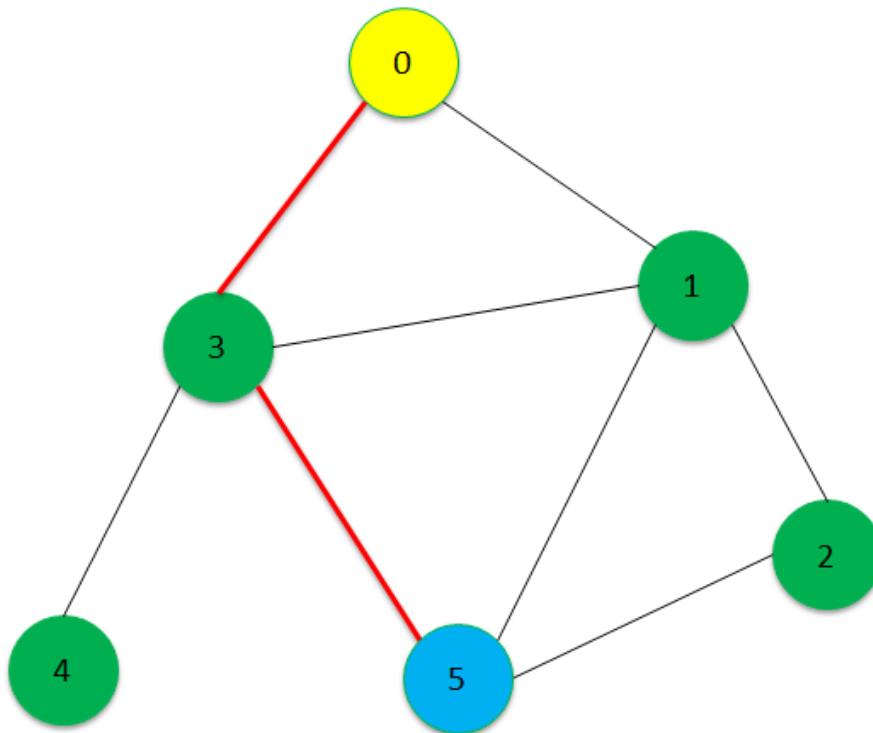
0 → 3 → 5

Thứ tự duyệt DFS là **0, 3, 5, 2, 4, 1.**

Đáp án bài toán (dùng stack)

0 → 3 → 5

Đường đi từ đỉnh 0 đến đỉnh 5 như hình vẽ.



Source Code DFS C++



Khai báo thư viện và các biến toàn cục:

```
#include <iostream>
#include <vector>
#include <stack>
using namespace std;
#define MAX 100
int V;
int E;
vector<int> graph[MAX];
bool visited[MAX];
int path[MAX];
```

Source Code DFS C++

Thuật toán chính DFS (part 1)

```
void DFS(int src) {  
    for (int i = 0; i < V; i++) {  
        visited[i] = false;  
        path[i] = -1;  
    }  
    stack<int> s;  
    visited[src] = true;  
    s.push(src);  
  
    // to be continued
```

Source Code DFS C++

Thuật toán chính DFS (part 2)

```
while (!s.empty()) {  
    int u = s.top();  
    s.pop();  
    for (int i = 0; i < graph[u].size(); i++) {  
        int v = graph[u][i];  
        if (!visited[v]) {  
            visited[v] = true;  
            s.push(v);  
            path[v] = u;  
        }  
    }  
}
```

Source Code DFS C++

In đường đi từ mảng lưu vết (KHÔNG dùng đệ quy):

```
void printPath(int s, int f) {  
    int b[MAX];  
    int m = 0;  
    if (f == s) {  
        cout << s;  
        return;  
    }  
    if (path[f] == -1) {  
        cout << "No path" << endl;  
        return;  
    }  
    // to be continued
```

Source Code DFS C++

In đường đi từ mảng lưu vết (KHÔNG dùng đệ quy):

```
while (1) {  
    b[m++] = f;  
    f = path[f];  
    if (f == s) {  
        b[m++] = s;  
        break;  
    }  
}  
for (int i = m - 1; i >= 0; i--) {  
    cout << b[i] << " ";  
}  
}
```

Source Code DFS C++

In đường đi từ mảng lưu vết (dùng đệ quy):

```
void printPathRecursion(int s, int f) {  
    if (s == f)  
        cout << f << " ";  
    else {  
        if (path[f] == -1)  
            cout << "No path" << endl;  
        else {  
            printPathRecursion(s, path[f]);  
            cout << f << " ";  
        }  
    }  
}
```

Source Code DFS C++

Hàm main để gọi thực hiện chương trình:

```
int main() {  
    freopen("INPUT.INP", "rt", stdin);  
    int u, v;  
    cin >> V >> E;  
    for (int i = 0; i < E; i++) {  
        cin >> u >> v;  
        graph[u].push_back(v);  
        graph[v].push_back(u);  
    }  
    int s = 0;  
    int f = 5;  
    DFS(s);  
    printPath(s, f);  
    return 0;  
}
```

Source Code DFS python



Khai báo thư viện và các biến toàn cục:

```
MAX = 100
V = None
E = None
graph = [ [] for i in range(MAX) ]
visited = [False]*MAX
path = [0]*MAX
```

Source Code DFS python

Thuật toán chính DFS (part 1)

```
def DFS(src):  
    for i in range(V):  
        visited[i] = False  
        path[i] = -1  
    s = []  
    visited[src] = True  
    s.append(src)  
// to be continued
```

Source Code DFS python

Thuật toán chính DFS (part 2)

```
while len(s) > 0:  
    u = s[-1]  
    s.pop()  
    for v in graph[u]:  
        if visited[v] == False:  
            visited[v] = True  
            s.append(v)  
            path[v] = u
```

Source Code DFS python

In đường đi từ mảng lưu vết (KHÔNG dùng đệ quy):

```
def printPath(s, f):
    b = []
    if f == s:
        print(f)
        return
    if path[f] == -1:
        print("No path")
        return
    while True:
        b.append(f)
        f = path[f]
        if f == s:
            b.append(s)
            break
    for i in range(len(b)-1, -1, -1):
        print(b[i], end = ' ')
```

Source Code DFS python

In đường đi từ mảng lưu vết (dùng đệ quy):

```
def printPathRecursion(s, f):
    if s == f:
        print(f, end=' ')
    else:
        if path[f] == -1:
            print("No path")
        else:
            printPathRecursion(s, path[f])
            print(f, end = ' ')
```

Source Code DFS python

Hàm main để gọi thực hiện chương trình:

```
if __name__ == '__main__':
    V, E = map(int, input().split())
    for i in range(E):
        u, v = map(int, input().split())
        graph[u].append(v)
        graph[v].append(u)
    s = 0
    d = 5
    DFS(s)
    printPath(s, d)
```

Source Code DFS Java



Khai báo thư viện và các biến toàn cục:

```
import java.util.Scanner;
import java.util.ArrayList;
import java.util.LinkedList;
import java.util.Stack;
```

Khai báo biến toàn cục (thuộc class Main)

```
private static ArrayList<ArrayList<Integer>> graph;
private static int v;
private static int E;
private static ArrayList<Integer> path;
private static ArrayList<Boolean> visited;
```

Source Code DFS Java

Thuật toán chính DFS (part 1)

```
public static void DFS(int src) {  
    int V = graph.size();  
    path = new ArrayList<Integer>();  
    visited = new ArrayList<Boolean>();  
    for (int i = 0; i < V; i++) {  
        visited.add(false);  
        path.add(-1);  
    }  
    Stack<Integer> stack = new Stack<Integer>();  
    visited.set(src, true);  
    stack.add(src);  
    // to be continued
```

Source Code DFS Java

Thuật toán chính DFS (part 2)

```
while (!stack.isEmpty()) {  
    int u = stack.peek();  
    stack.pop();  
    for (int i = 0; i < graph.get(u).size(); i++) {  
        int v = graph.get(u).get(i);  
        if (!visited.get(v)) {  
            visited.set(v, true);  
            stack.add(v);  
            path.set(v, u);  
        }  
    }  
}
```

Source Code DFS Java

In đường đi từ mảng lưu vết (KHÔNG dùng đệ quy):

```
public static void printPath(int s, int f) {  
    if (f == s) {  
        System.out.print(s);  
        return;  
    }  
    if (path.get(f) == -1) {  
        System.out.print("No Path");  
        return;  
    }  
    ArrayList<Integer> b = new ArrayList<Integer>();  
    // to be continued
```

Source Code DFS Java

In đường đi từ mảng lưu vết (KHÔNG dùng đệ quy):

```
while (true) {  
    b.add(f);  
    f = path.get(f);  
    if (s == f) {  
        b.add(f);  
        break;  
    }  
}  
  
for (int i = b.size() - 1; i >= 0; i--) {  
    System.out.print(b.get(i) + " ");  
}  
}
```

Source Code DFS Java

In đường đi từ mảng lưu vết (dùng đệ quy):

```
public static void printPathRecursion(int s, int f) {  
    if (s == f) {  
        System.out.print(f + " ");  
    }  
    else {  
        if (path.get(f) == -1) {  
            System.out.print("No Path");  
        } else {  
            printPathRecursion(s, path.get(f));  
            System.out.print(f + " ");  
        }  
    }  
}
```

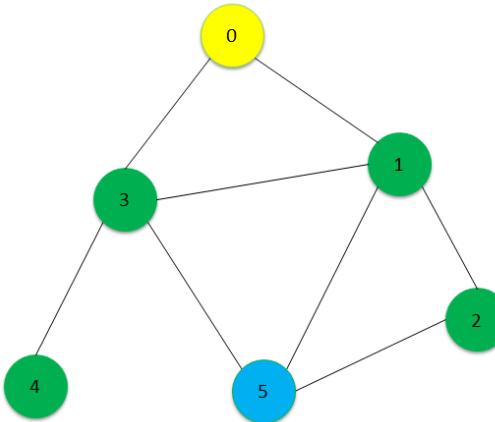
Source Code DFS Java

Hàm main để gọi thực hiện chương trình:

```
public static void main(String[] args) {  
    Scanner sc = new Scanner(System.in);  
    int V = sc.nextInt(), E = sc.nextInt();  
    graph = new ArrayList<ArrayList<Integer>>();  
    for (int i = 0; i < V; i++)  
        graph.add(new ArrayList<Integer>());  
    for (int i = 0; i < E; i++) {  
        int u = sc.nextInt(), v = sc.nextInt();  
        graph.get(u).add(v);  
        graph.get(v).add(u);  
    }  
    int s = 0, f = 5;  
    DFS(s);  
    printPath(s, f);  
}
```

CÀI ĐẶT THUẬT TOÁN DFS BẰNG ĐỆ QUY

Bước 0: Chuẩn bị dữ liệu



Chuyển danh sách cạnh kề vào CTDL **graph**.

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3

Mảng đánh dấu các đỉnh đã xét **visited**.

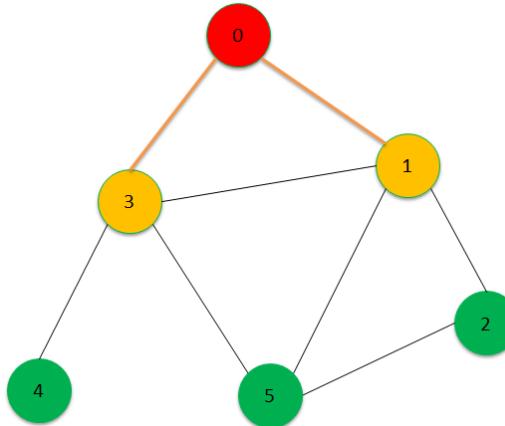
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	false	false	false	false	false	false

Mảng lưu vết đường đi **path**.

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	-1	-1	-1	-1	-1

Bước 1: Chạy thuật toán lần 1

Lấy **đỉnh 0 (đỉnh bắt đầu đi)** ra xét và tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 0 (những đỉnh chưa xét).



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	false	false	false	false	false

path

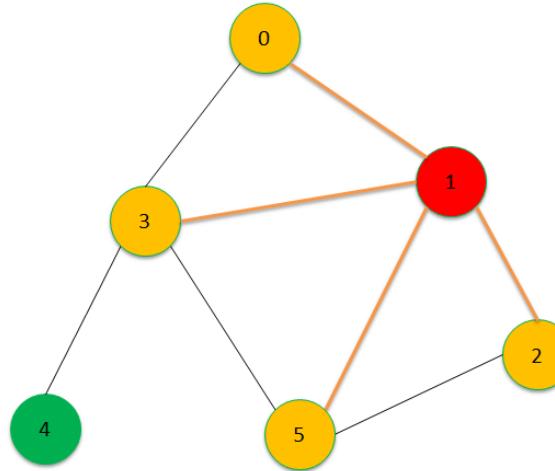
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	-1	-1	-1	-1



Gọi đệ quy đỉnh 1.

Bước 2: Chạy thuật toán lần 2

Gọi đệ quy **đỉnh 1** tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 1 (những đỉnh chưa xét).



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3
Đỉnh	0	1	2	3	4	5

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	false	false	false	false
Đỉnh	0	1	2	3	4	5

path

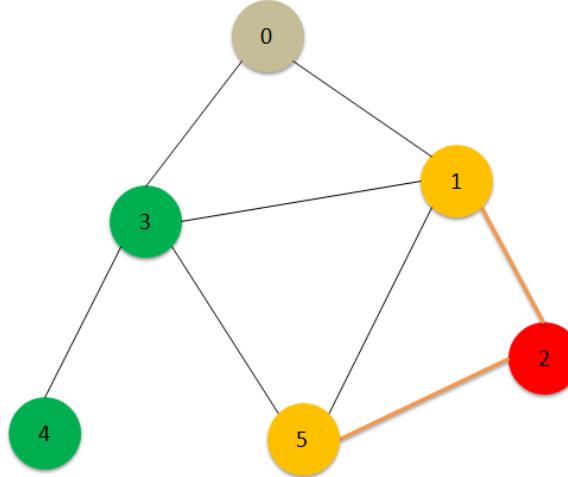
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	1	-1	-1	-1
Đỉnh	0	1	2	3	4	5



Gọi đệ quy đỉnh 2.

Bước 3: Chạy thuật toán lần 3

Gọi đệ quy **đỉnh 2** tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 2 (những đỉnh chưa xét).



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3
Đỉnh	0	1	2	3	4	5

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	true	false	false	false
Đỉnh	0	1	2	3	4	5

path

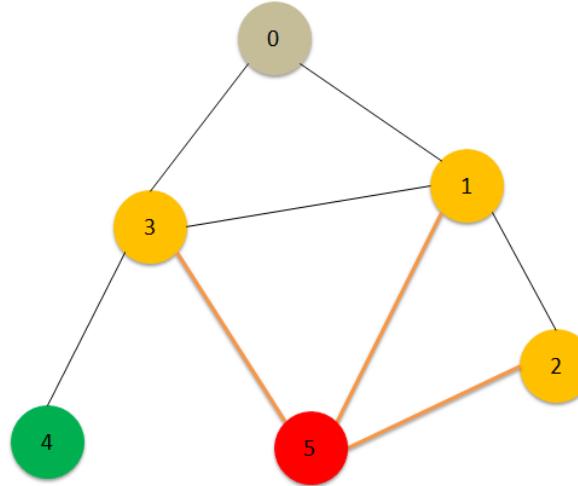
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	1	-1	-1	2
Đỉnh	0	1	2	3	4	5



Gọi đệ quy đỉnh 5.

Bước 4: Chạy thuật toán lần 4

Gọi đệ quy **đỉnh 5** tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 5 (những đỉnh chưa xét).



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3
Đỉnh	0	1	2	3	4	5

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	true	false	false	true
Đỉnh	0	1	2	3	4	5

path

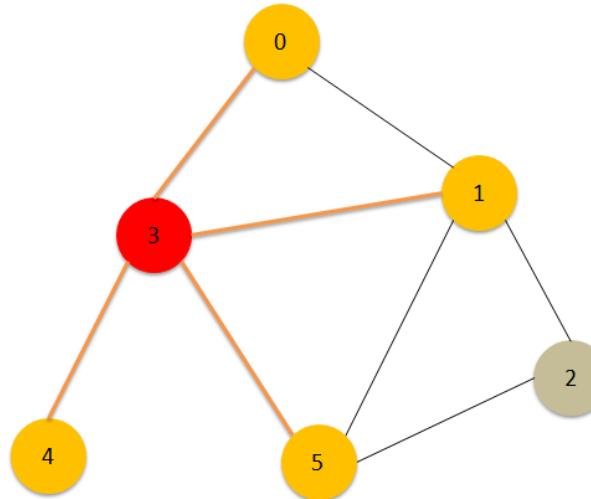
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	1	5	-1	2
Đỉnh	0	1	2	3	4	5



Gọi đệ quy đỉnh 3.

Bước 5: Chạy thuật toán lần 5

Gọi đệ quy **đỉnh 3** tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 3 (những đỉnh chưa xét).



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3
Đỉnh	0	1	2	3	4	5

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	true	true	false	true
Đỉnh	0	1	2	3	4	5

path

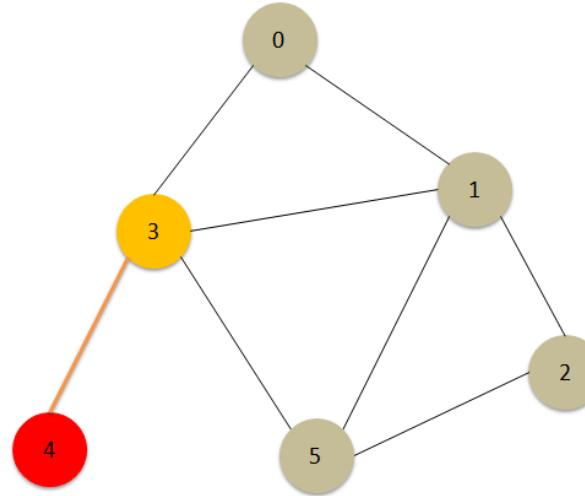
Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	1	5	3	2
Đỉnh	0	1	2	3	4	5



Gọi đệ quy đỉnh 4.

Bước 6: Chạy thuật toán lần 6

Gọi đệ quy **đỉnh 4** tìm những đỉnh có kết nối với đỉnh 4 (những đỉnh chưa xét).



graph

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Đỉnh kề	1, 3	0, 2, 3, 5	1, 5	0, 1, 4, 5	3	1, 2, 3
Định danh	0	1	2	3	4	5

visited

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Trạng thái	true	true	true	true	true	true
Định danh	0	1	2	3	4	5

path

Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	1	5	3	2
Định danh	0	1	2	3	4	5



Đệ quy ngược lại các đỉnh 3, 5, 2, 1, 0 để kiểm tra.

Kết quả chạy thuật toán bằng đệ quy

Tất cả các đỉnh đều được xét → dừng thuật toán.

path



Đỉnh	0	1	2	3	4	5
Lưu vết	-1	0	1	5	3	2

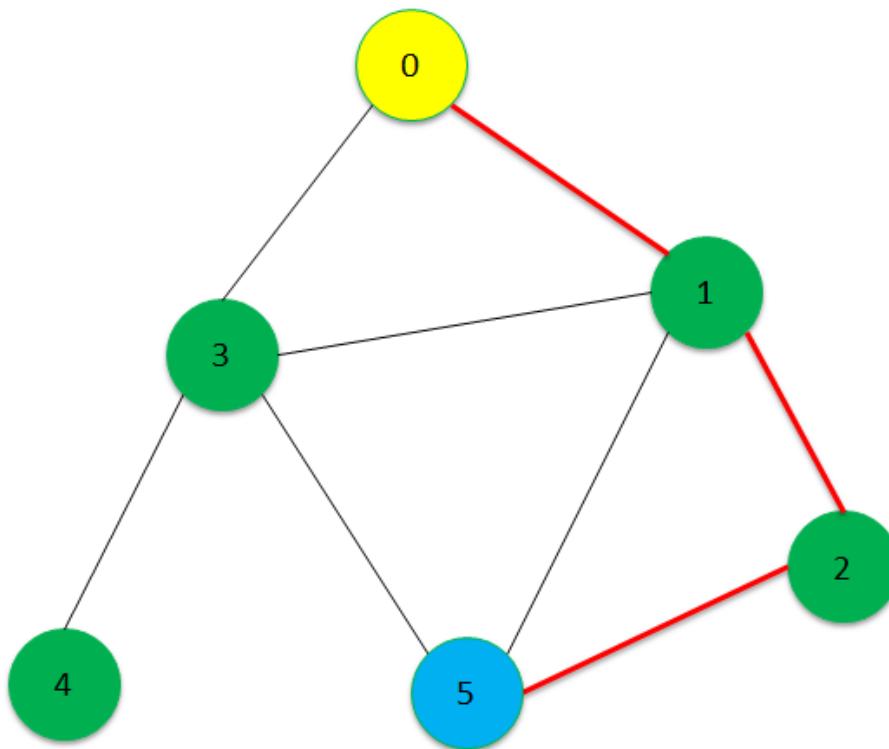
0 → 1 → 2 → 5

Thứ tự duyệt DFS đệ quy là **0, 1, 2, 5, 3, 4**.

Đáp án bài toán (đệ quy)

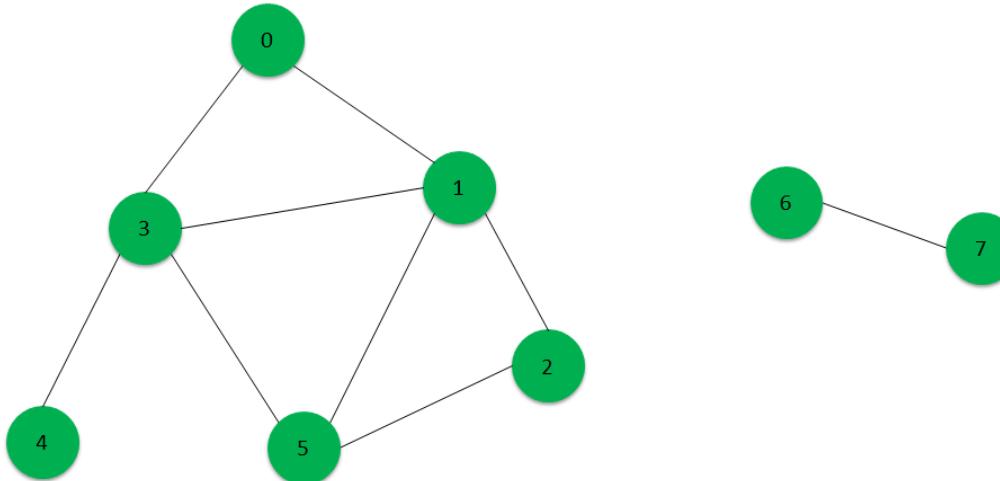
0 → 1 → 2 → 5

Đường đi từ đỉnh 0 đến đỉnh 5 như hình vẽ.



Lưu ý khi sử dụng DFS

Khi 2 đỉnh cần tìm đường đi nhưng lại không có đường đi tới nhau được thì kết quả trả về sẽ như thế nào?



Trường hợp chạy bắt đầu từ đỉnh 0.

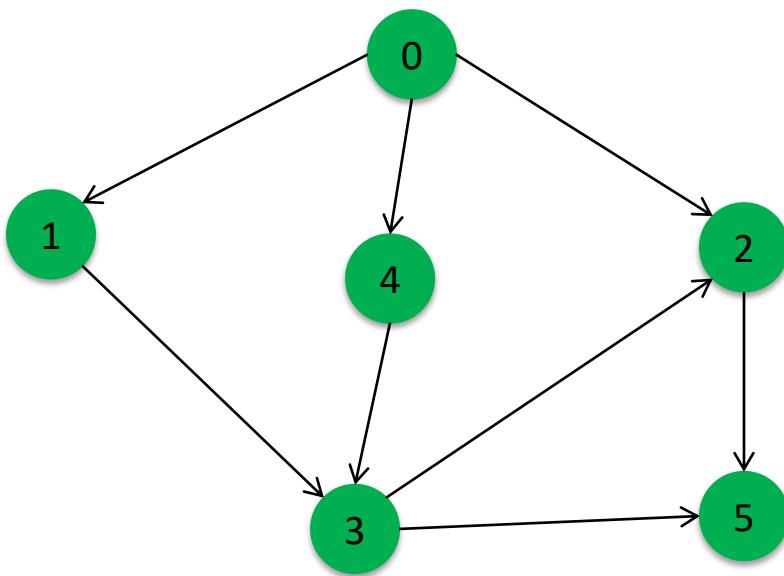
Đỉnh	0	1	2	3	4	5	6	7
Đỉnh	0	1	2	3	4	5	6	7
Đỉnh	-1	0	5	0	3	3	-1	-1
Đỉnh	0	1	2	3	4	5	6	7

Trường hợp chạy bắt đầu từ đỉnh 6.

Đỉnh	0	1	2	3	4	5	6	7
Đỉnh	0	1	2	3	4	5	6	7
Đỉnh	-1	-1	-1	-1	-1	-1	-1	6
Đỉnh	0	1	2	3	4	5	6	7

Bài tập luyện tập

Tìm đường đi từ đỉnh 0 đến đỉnh 5:



stack

0 → 4 → 3 → 5

Đệ quy

0 → 1 → 3 → 2 → 5

Source Code DFS C++ (Đệ quy)



Thuật toán chính DFS đệ quy:

```
void DFSRecursion(int s) {  
    visited[s] = true;  
    for (int i = 0; i < graph[s].size(); i++) {  
        int v = graph[s][i];  
        if (!visited[v]) {  
            path[v] = s;  
            DFSRecursion(v);  
        }  
    }  
}
```

Source Code DFS C++ (Đệ quy)

```
int main() {  
    int u, v;  
    cin >> V >> E;  
    for (int i = 0; i < E; i++) {  
        cin >> u >> v;  
        graph[u].push_back(v);  
        graph[v].push_back(u);  
    }  
    int s = 0;  
    int f = 5;  
    for (int i = 0; i < V; i++) {  
        visited[i] = false;  
        path[i] = -1;  
    }  
    DFSRecursion(s);  
    printPath(s, f);  
    return 0;  
}
```

Source Code DFS python (Đệ quy)



Thuật toán chính DFS đệ quy:

```
def DFSRecursion(s) :  
    visited[s] = True  
    for v in graph[s] :  
        if visited[v] == False:  
            path[v] = s  
            DFSRecursion(v)
```

Source Code DFS python (Đệ quy)

Hàm main để gọi thực hiện chương trình:

```
if __name__ == '__main__':
    V, E = map(int, input().split())
    for i in range(E):
        u, v = map(int, input().split())
        graph[u].append(v)
        graph[v].append(u)
    s = 0
    f = 5
    DFSRecursion(s)
    printPath(s, f, path)
```

Source Code DFS Java (Đệ quy)



Thuật toán chính DFS đệ quy:

```
public static void DFSRecursion(int s) {  
    visited.set(s, true);  
    for (int i = 0; i < graph.get(s).size(); i++) {  
        int v = graph.get(s).get(i);  
        if (!visited.get(v)) {  
            path.set(v, s);  
            DFSRecursion(v);  
        }  
    }  
}
```

Source Code DFS Java (Đê quy)

Hàm main DFS đê quy - part 1

```
public static void main(String[] args) {
    Scanner sc = new Scanner(System.in);
    int V = sc.nextInt(), E = sc.nextInt();
    graph = new ArrayList<ArrayList<Integer>>();
    for (int i = 0; i < V; i++)
        graph.add(new ArrayList<Integer>());
    for (int i = 0; i < E; i++) {
        int u = sc.nextInt(), v = sc.nextInt();
        graph.get(u).add(v);
        graph.get(v).add(u);
    }
    // to be continued
```

Source Code DFS Java (Đệ quy)

Hàm main DFS đệ quy - part 2

```
int s = 0, f = 5;  
path = new ArrayList<Integer>();  
visited = new ArrayList<Boolean>();  
for (int i = 0; i < v; i++) {  
    visited.add(false);  
    path.add(-1);  
}  
DFSRecursion(s);  
printPath(s, f);  
}
```

Hỏi đáp

